

Số: 01 /NQ-HĐND

TP. Trà Vinh, ngày 13 tháng 4 năm 2023

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc bổ sung dự toán chi ngân sách, bổ sung có mục tiêu năm 2023**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH  
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ 10**

*Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;*

*Trên cơ sở Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2022 của HĐND thành phố về việc phê chuẩn dự toán ngân sách, phân bổ nhiệm vụ thu - chi ngân sách năm 2023;*

*Xét Tờ trình số 60/TTr-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Trà Vinh về việc bổ sung dự toán chi ngân sách, bổ sung có mục tiêu năm 2023; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Bổ sung dự toán chi ngân sách, bổ sung có mục tiêu năm 2023, với số tiền: **7.557.821.000 đồng** (Bảy tỷ, năm trăm năm mươi bảy triệu, tám trăm hai mươi một ngàn đồng), trong đó:

- Bổ sung dự toán cho các Ban ngành thành phố: **6.883.970.000 đồng.**
- Bổ sung có mục tiêu cho ngân sách xã, phường: **673.851.000 đồng.**

*(Chi tiết đính kèm phụ lục I, II)*

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện đúng theo quy định; Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Khóa XII - kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 13 tháng 4 năm 2023./.

**Nơi nhận:**

- TT. HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính, KBNN, Cục thuế tỉnh;
- TT. TU; UBND.TP, UB MTTQVN TP;
- Đại biểu HĐND TP;
- Các ban ngành TP;
- HĐND, UBND các phường - xã;
- BLĐVP; khối KT;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**



**Lê Văn Mạnh**

Phụ lục

**BẢNG TỔNG HỢP BỔ SUNG DỰ TOÁN CHO CÁC BAN NGÀNH THÀNH PHỐ TRÀ VINH NĂM 2023**

(Đính kèm Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 13/4/2023 của HĐND thành phố Trà Vinh)

ĐVT: đồng

STT	Nội dung	Loại - Khoản	Dự toán và Nguồn kinh phí bổ sung							Ghi chú
			Tổng cộng	Kết dư năm 2022	Kết dư năm 2022 (BSMT tính trước ngày 30/9)	BSMT tính 2022 chuyển sang	BSMT tính 2023	Chi khác NSTP năm 2023	Nguồn nâng cấp đô thị năm 2023 (Sự nghiệp kinh tế)	
<b>1</b>	<b>BỔ SUNG DỰ TOÁN</b>		<b>6.880.770.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>1.196.990.000</b>	<b>455.050.000</b>	<b>5.228.730.000</b>	
<b>1</b>	<b>Phòng Tài chính - KH thành phố</b>		<b>8.050.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>8.050.000</b>	<b>0</b>	
	Kinh phí soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật năm 2023 (Nghị quyết 15/2022/NQ-HĐND ngày 18/10/2022 của HĐND tỉnh Trà Vinh)	340-341	8.050.000					8.050.000		
<b>2</b>	<b>Phòng GD-ĐT thành phố (Hội Khuyến học)</b>		<b>89.400.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>89.400.000</b>	<b>0</b>	
	Kinh phí chi trả chế độ thù lao hàng tháng đối với người đã nghỉ hưu giữ chức danh lãnh đạo chuyên trách tại các tổ chức hội trên địa bàn thành phố Trà Vinh năm 2023	340-362	89.400.000					89.400.000		
<b>3</b>	<b>UBMTTQVN thành phố (Hội Người Cao tuổi)</b>		<b>89.400.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>89.400.000</b>	<b>0</b>	
	Kinh phí chi trả chế độ thù lao hàng tháng đối với người đã nghỉ hưu giữ chức danh lãnh đạo chuyên trách tại các tổ chức hội trên địa bàn thành phố Trà Vinh năm 2023	340-362	89.400.000					89.400.000		
<b>4</b>	<b>Hội Đông y thành phố</b>		<b>89.400.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>89.400.000</b>	<b>0</b>	
	Kinh phí chi trả chế độ thù lao hàng tháng đối với người đã nghỉ hưu giữ chức danh lãnh đạo chuyên trách tại các tổ chức hội trên địa bàn thành phố Trà Vinh năm 2023	340-362	89.400.000					89.400.000		
<b>5</b>	<b>Hội Luật gia thành phố</b>		<b>89.400.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>89.400.000</b>	<b>0</b>	
	Kinh phí chi trả chế độ thù lao hàng tháng đối với người đã nghỉ hưu giữ chức danh lãnh đạo chuyên trách tại các tổ chức hội trên địa bàn thành phố Trà Vinh năm 2023	340-362	89.400.000					89.400.000		



STT	Nội dung	Loại - Khoản	Dự toán và Nguồn kinh phí bổ sung							Ghi chú
			Tổng cộng	Kết dư năm 2022	Kết dư năm 2022 (BSMT tỉnh trước ngày 30/9)	BSMT tỉnh 2022 chuyển sang	BSMT tỉnh 2023	Chi khác NSTP năm 2023	Nguồn nâng cấp đô thị năm 2023 (Sự nghiệp kinh tế)	
6	Hội Bảo trợ Người khuyết tật và nạn nhân chất độc da cam thành phố		89.400.000	0	0	0	0	89.400.000	0	
	Kinh phí chi trả chế độ thù lao hàng tháng đối với người đã nghỉ hưu giữ chức danh lãnh đạo chuyên trách tại các tổ chức hội trên địa bàn thành phố Trà Vinh năm 2023	340-362	89.400.000					89.400.000		
7	Phòng Lao động TB&XH thành phố		594.790.000	0	0	0	594.790.000	0	0	
7.1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Vốn sự nghiệp)		80.900.000	0	0	0	80.900.000	0	0	
	- Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực		80.900.000	0	0	0	80.900.000	0	0	
	+ Tiêu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi (Mã CTMTQG: 0511)	070-083	80.900.000				80.900.000			
7.2	Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Trà Vinh (50%)	370-398	513.890.000				513.890.000			
8	Phòng Dân tộc thành phố		4.700.000	0	0	0	4.700.000	0	0	
8.1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Vốn sự nghiệp)		4.700.000	0	0	0	4.700.000	0	0	
	- Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình		4.700.000	0	0	0	4.700.000	0	0	
	+ Tiêu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, việc tổ chức thực hiện Chương trình (Mã CTMTQG: 0521)	340-341	4.700.000				4.700.000			
9	Phòng Kinh tế thành phố		597.500.000	0	0	0	597.500.000	0	0	
	Kinh phí thực hiện Chính sách tái cơ cấu nông nghiệp theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND	280-281	597.500.000				597.500.000			
10	Phòng Quản lý đô thị		5.228.730.000	0	0	0	0	0	5.228.730.000	

STT	Nội dung	Loại - Khoản	Dự toán và Nguồn kinh phí bổ sung							Ghi chú
			Tổng cộng	Kết dư năm 2022	Kết dư năm 2022 (BSMT tính trước ngày 30/9)	BSMT tính 2022 chuyển sang	BSMT tính 2023	Chi khác NSTP năm 2023	Nguồn nâng cấp đô thị năm 2023 (Sự nghiệp kinh tế)	
10.2	Kinh phí Bảo dưỡng cây cổ thụ các tuyến đường nội ô thành phố Trà Vinh năm 2022	280-312	720.000.000						720.000.000	
10.3	Kinh phí Lập quy chế quản lý kiến trúc đô thị thành phố Trà Vinh	280-312	844.960.000						844.960.000	
10.4	Kinh phí Quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh	280-312	518.560.000						518.560.000	
10.5	Kinh phí Sửa chữa bờ kè sông Long Bình, thành phố Trà Vinh (đoạn từ cầu Long Bình đến chợ Bạch Đằng)	280-312	1.000.000.000						1.000.000.000	
10.6	Kinh phí Sửa chữa, dặm vá mặt đường hư hỏng, sụp lún các tuyến đường nội ô thành phố năm 2023	280-312	1.066.400.000						1.066.400.000	
10.7	Kinh phí Lắp đặt khẩu hiệu tuyên truyền (pa nô xanh) trên năm 2023	280-312	129.810.000						129.810.000	
10.8	Kinh phí Sửa chữa cống thoát nước đường sụp lún các tuyến đường nội ô thành phố Năm 2023	280-312	889.000.000						889.000.000	
<b>II</b>	<b>LỆNH CHI TIỀN</b>		<b>3.200.000</b>	<b>3.200.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
<b>1</b>	<b>Ban quản lý Chợ Trà Vinh</b>		<b>3.200.000</b>	<b>3.200.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
	KP chi trả tiền ký quỹ cho hộ nghi kinh doanh	400-428	3.200.000	3.200.000						
	<b>Tổng cộng</b>		<b>6.883.970.000</b>	<b>3.200.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>1.196.990.000</b>	<b>455.050.000</b>	<b>5.228.730.000</b>	